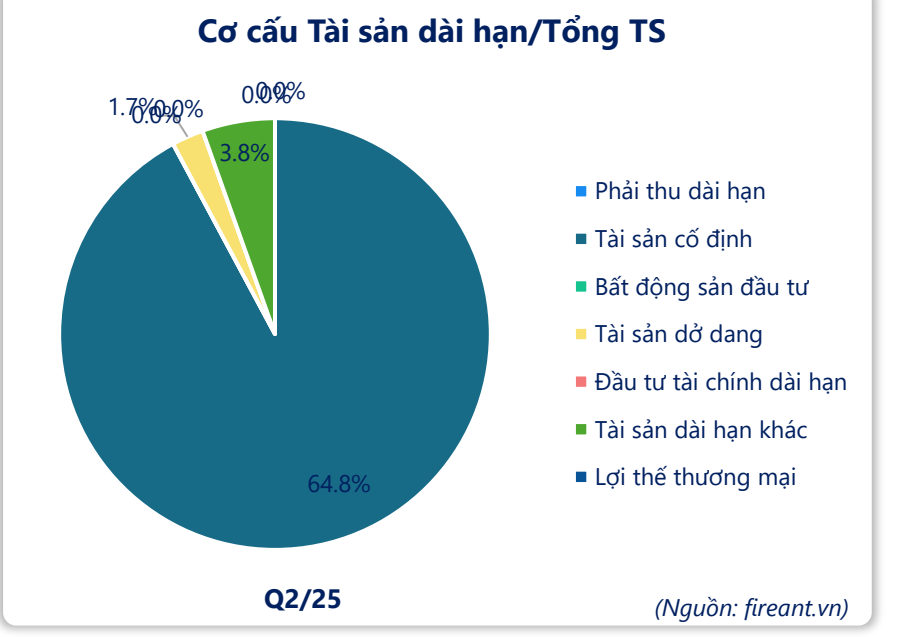
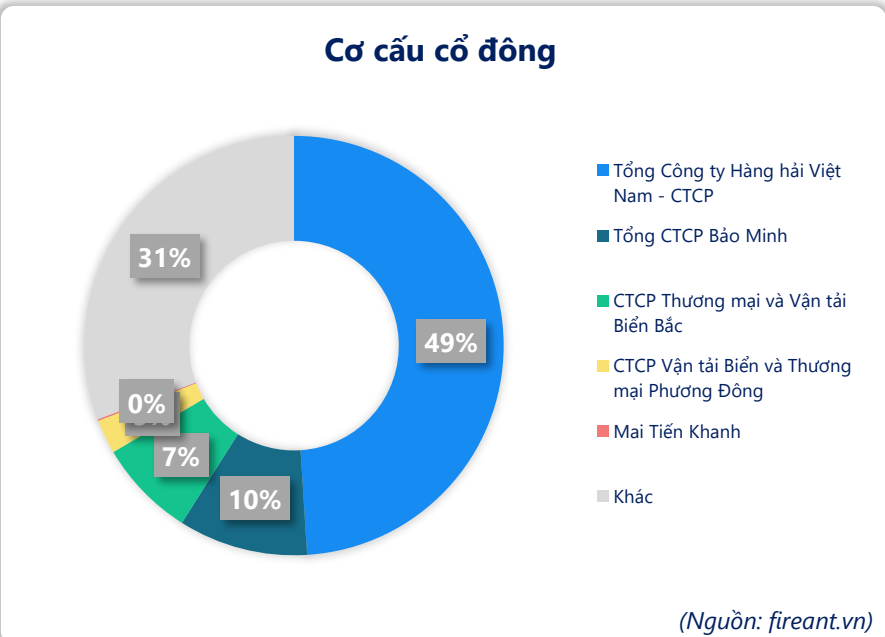
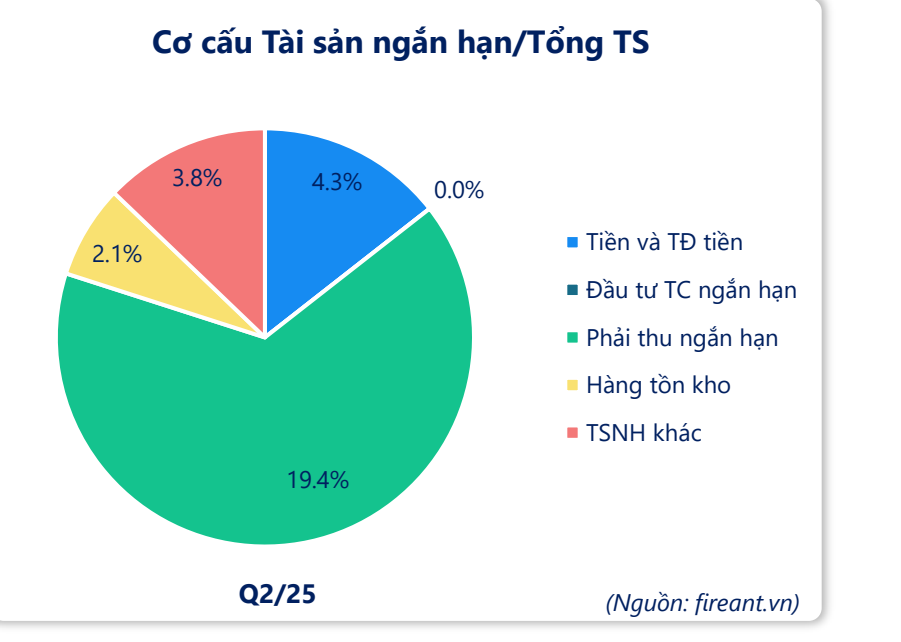
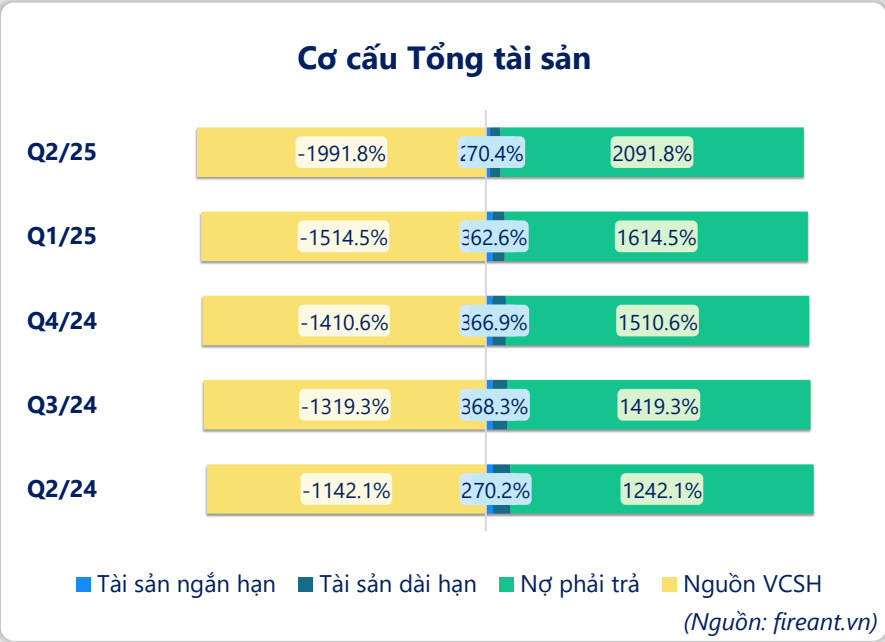
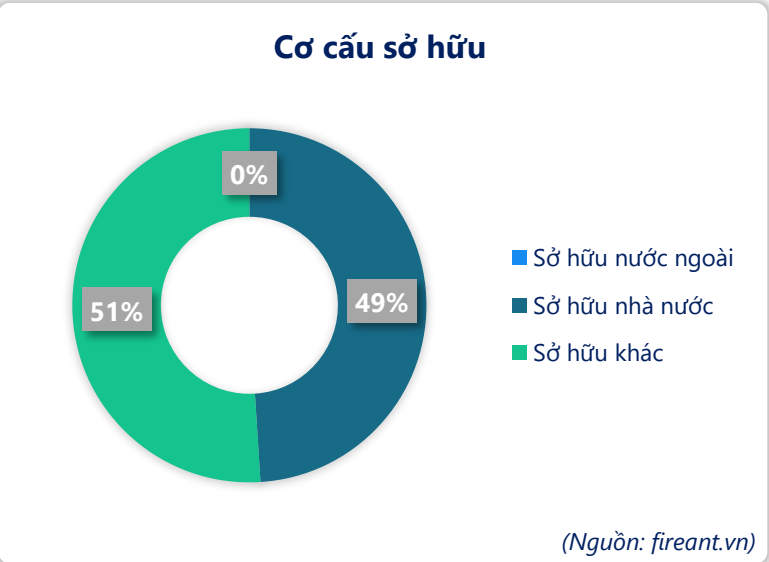
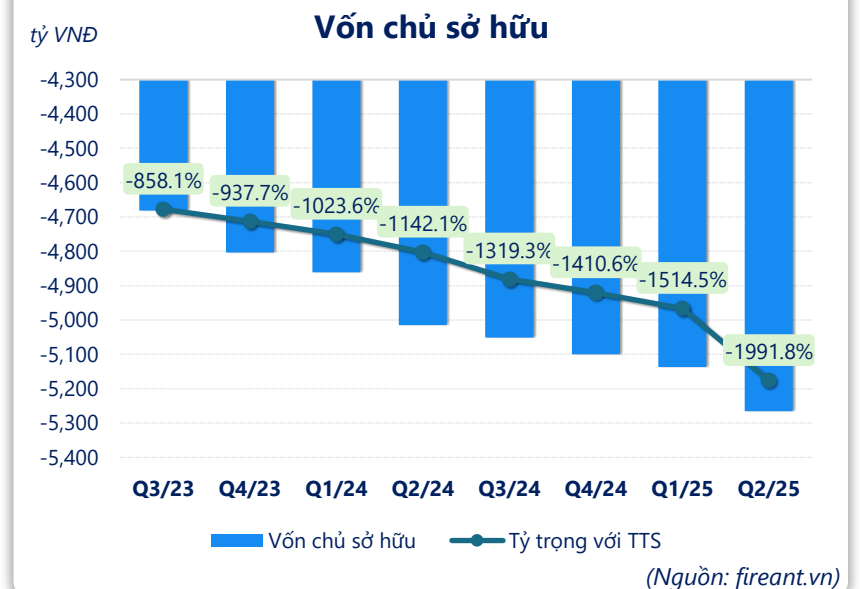
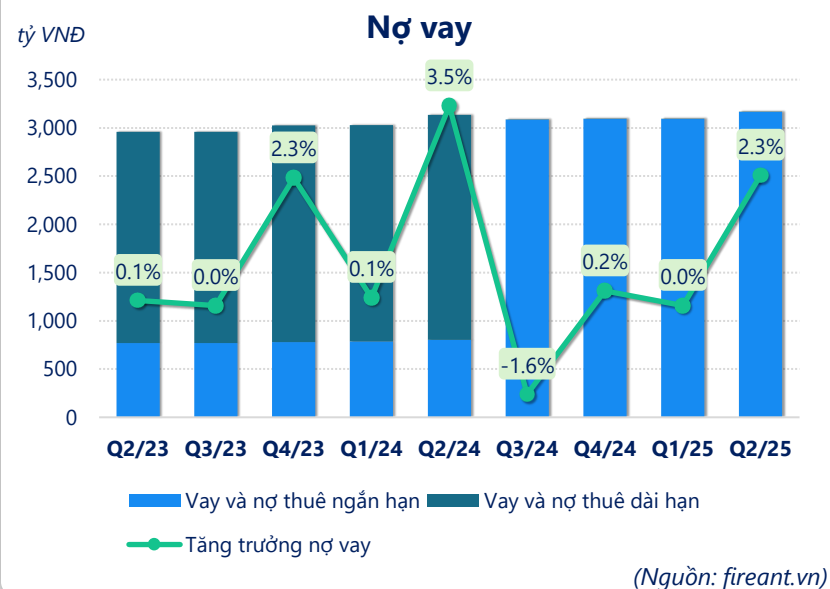
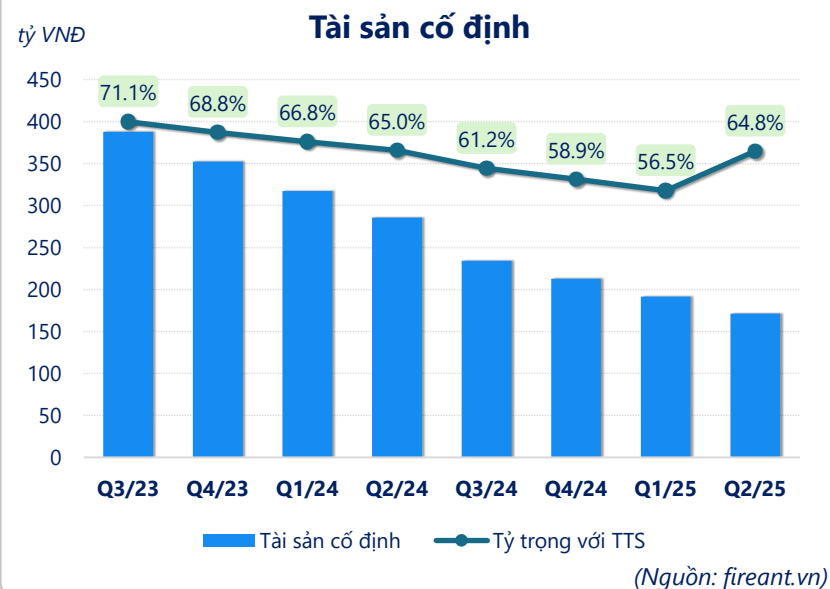
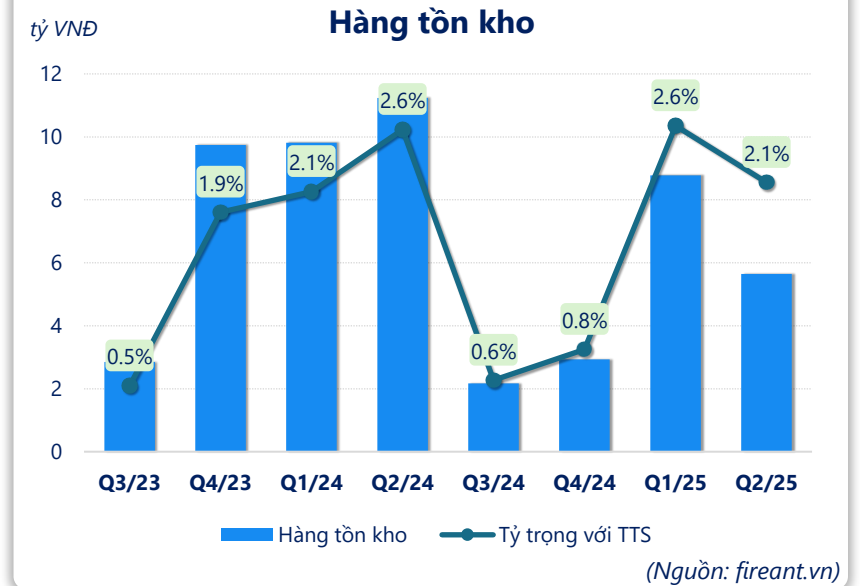
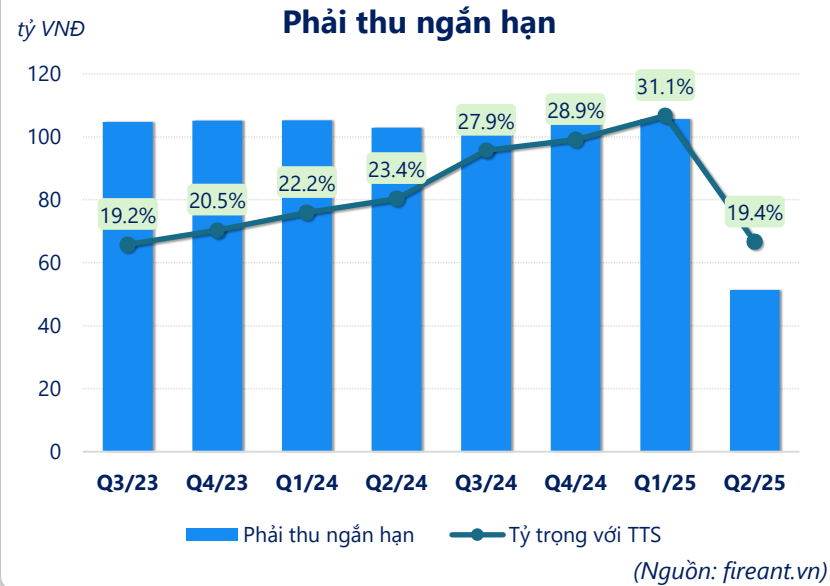
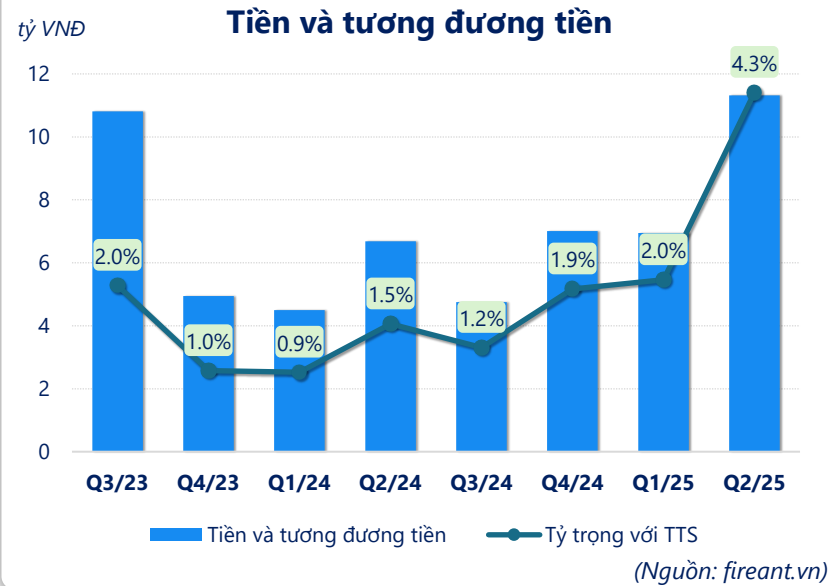
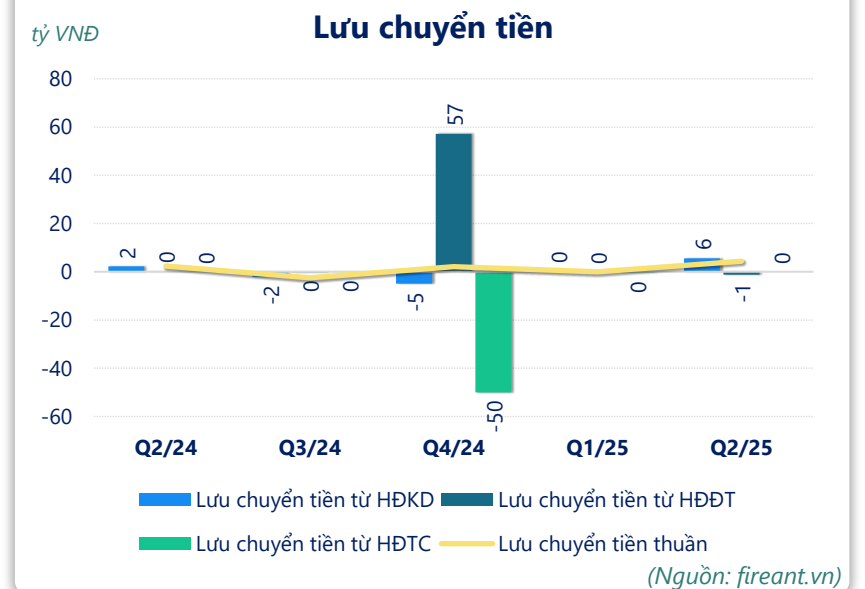
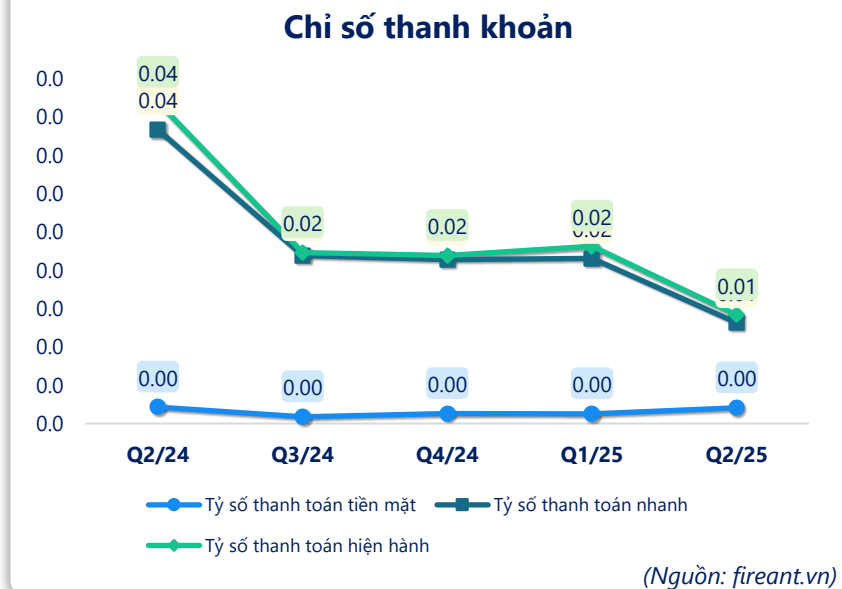
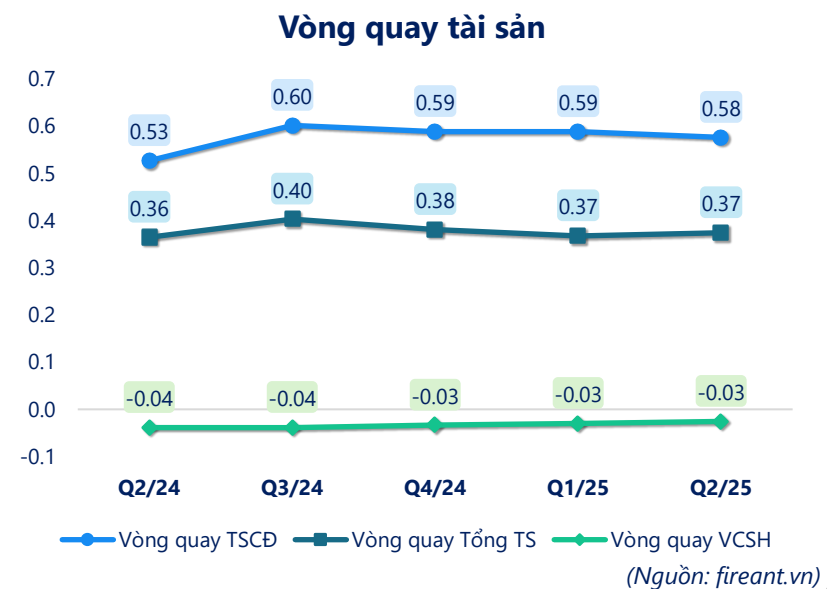
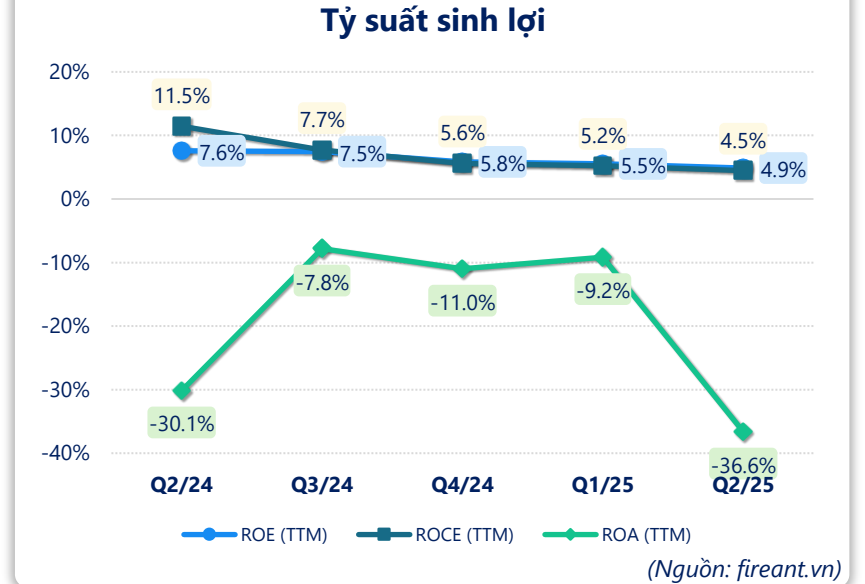
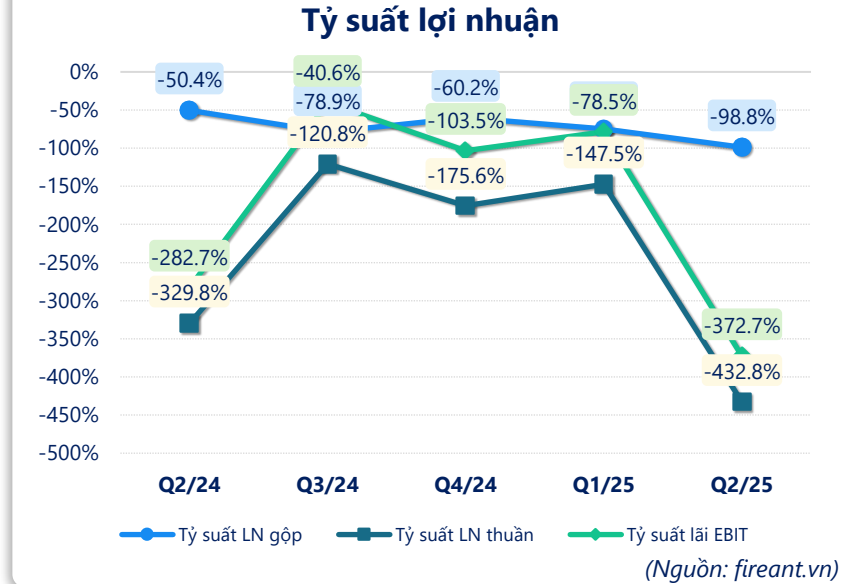
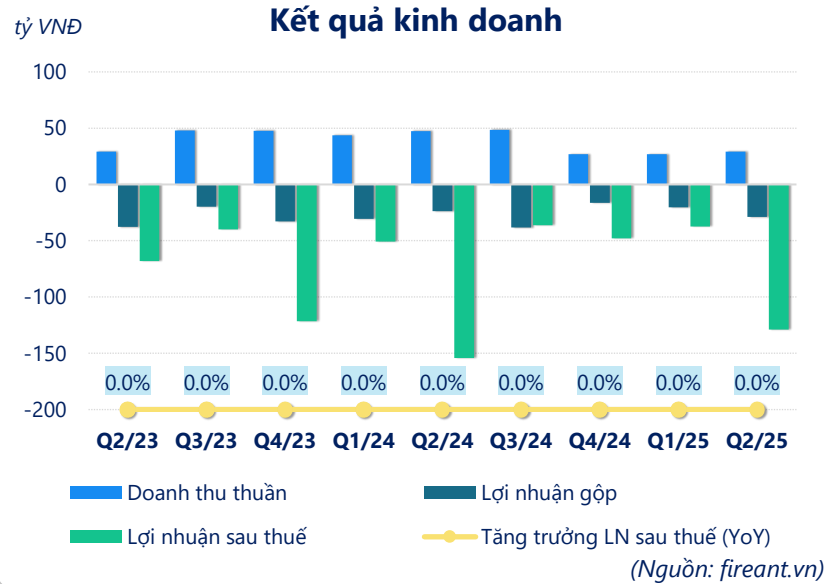


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		1,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		600
SL cổ phiếu LH		19,525,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,705
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		12
P/E		0.0
EPS		-12,823

	YTD	1T	3T	6T
NOS	-14.3%	-25.0%	-50.0%	-14.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	264	362	-26.9%
Tài sản ngắn hạn	78.4	120	-34.6%
Tiền và tương đương tiền	11.3	7.01	61.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	51.3	105	-50.9%
Hàng tồn kho	5.65	2.93	92.5%
Tài sản ngắn hạn khác	10.1	5.29	90.1%
Tài sản dài hạn	186	242	-23.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	171	213	-19.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.43	4.43	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	10.1	24.4	-58.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,530	5,461	1.3%
Nợ ngắn hạn	5,528	5,460	1.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,163	3,093	2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	165	170	-3.1%
Nợ dài hạn	1.58	1.46	7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.03	1.03	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-5,266	-5,100	-3.3%
Vốn chủ sở hữu	-5,266	-5,100	-3.3%
Vốn điều lệ	201	201	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	47.3	48.5	26.9	26.9	29.2
Giá vốn hàng bán	71.1	86.8	43.1	47.1	58.1
Lợi nhuận gộp	-23.8	-38.3	-16.2	-20.2	-28.9
Doanh thu HĐTC	0.29	0.23	0.21	0.02	0.53
Chi phí TC	131	16.7	28.2	16.2	93.6
Chi phí lãi vay	20.7	16.6	20.1	16.2	19.9
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.81	3.81	3.07	3.33	4.48
LN thuần từ HĐKD	-156	-58.6	-47.3	-39.7	-126
Lợi nhuận khác	1.56	22.3	-0.70	2.37	-2.32
LN trước thuế	-154	-36.3	-48.0	-37.3	-129
Lợi nhuận sau thuế	-154	-36.3	-48.0	-37.3	-129
LNST của CĐ cty mẹ	-154	-36.3	-48.0	-37.3	-129

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	2.17	-2.14	-4.98	0.31	5.61
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.25	-0.24	57.1	0.00	-1.26
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-0.14	-50.1	-0.39	0
Tiền đầu kỳ	4.49	6.68	4.75	7.01	6.95
Lưu chuyển tiền thuần	2.41	-2.52	2.10	-0.07	4.35
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.23	0.60	0.15	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	6.68	4.75	7.01	6.95	11.3

(Nguồn: fireant.vn)